TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2026/DS-PT
Ngày: 22 - 5 - 2026
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang.

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Nguyễn Chế Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 551/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Thanh T,** sinh năm:1978

2. Bà **Diệp Ngọc L**, sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ thường trú: Số B, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số B, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Bùi Như Ý**, sinh năm: 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: H, tổ F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là 86, tổ F, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ).

* Bị đơn: Bà **Trịnh Dương Thanh T1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: 22/71/8 M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là 22/71/8 M, phường N, thành phố Cần Thơ).

Địa chỉ liên hệ: 13/2 hẻm F N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là 13/2 hẻm F N, phường C, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Thanh S**, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường F, KDC B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là số C, đường F, KDC B, phường L, thành phố Cần Thơ).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số B, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số B, đường M, phường C, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Hoàng Duy N**, sinh năm: 1994 (Có mặt).

2. Bà **Lê Kim T2**, sinh năm: 1991(Vắng mặt).

3. Bà **Võ Thị Bích T3**, sinh năm: 1997(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là A T, phường T, thành phố Cần Thơ).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trịnh Thị Thanh T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/8/2024 nguyên đơn, bà T4 và bà Đ đã cùng ký văn bản thỏa thuận ba bên, thể hiện rõ: sau khi bị đơn thanh toán đủ 910.000.000 đồng thì số tiền 150.000.000 đồng sẽ được trích ra để thanh toán cho bà Đ. Trên cơ sở thỏa thuận đó, Nguyên đơn và bà T4 đã thống nhất rõ ràng: nghĩa vụ thanh toán 459.000.000 đồng còn lại được tách thành hai phần độc lập:

Về phần 150.000.000đồng: bà T4 có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp cho bà Đ theo đúng nội dung thỏa thuận và phần 309.000.000 đồng: bà T4 tiếp tục thanh toán trực tiếp cho nguyên đơn.

Việc tách nghĩa vụ này phù hợp về mặt số học (459 triệu = 309 triệu + 150 triệu), phù hợp với nội dung văn bản cam kết, phù hợp với thực tế chuyển khoản được xác minh qua chứng từ ngân hàng, và phù hợp với lời xác nhận của bà Đ trong bản ghi âm, rằng bà Đ sẽ nhận 150.000.000 đồng từ bà T4 và xác định nghĩa vụ thật sự chỉ 88.000.000 đồng nên phần chênh lệch trong 150 triệu là thỏa thuận riêng giữa nguyên đơn và bà Đ. Vì vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đã được chuyển giao và thanh toán trực tiếp cho bà Đ đã làm phát sinh lại trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn, và nguyên đơn có quyền khởi kiện bổ sung để buộc bị đơn là bà T4 thanh toán số tiền này.

Nguyên đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu:

- Buộc bị đơn Trịnh Dương Thanh T1 thanh toán tổng cộng 459.000.000 đồng cho Nguyên đơn, bao gồm: 309.000.000 đồng theo văn bản xác nhận nợ ngày 31/8/2024 ký tại Văn phòng C và 150.000.000 đồng là khoản bị đơn đã được Nguyên đơn chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Đ nhưng không thực hiện.

Ghi chú thêm: Tính đến thời điểm hiện tại phía bị đơn chi trả các lần chuyển khoản và 20.000.000 đồng tiền mặt tổng là 451.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tiền mặt 20.000.000 đồng trả ngay lúc lập văn bản thỏa thuận còn 289.000.000 đồng tại văn phòng công chứng. Đối với số tiền 150.000.000 đồng của bà Đ thời điểm lập văn bản thõa thuận còn 289.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn có thõa thuận miệng với nhau bị đơn phải trả 150.000.000 đồng cho bà Đ. Sau đó về, bà L với bà Đ có nói về việc số tiền 150.000.000 đồng trên sẽ do bị đơn bà T1 trả cho bà Đ. Đến thời điểm hiện tại bà L ông T chỉ nhận 451.000.000 đồng. Còn bà Đ phản tố yêu cầu nguyên đơn trả thì nguyên đơn khởi kiện bổ sung bị đơn phải trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng, sau khi đã đã nhận số tiền 289.000.000 đồng với nhau tại Văn phòng công chứng. Bị đơn chứng minh đã trả đủ (tính luôn phần cấn trừ trả cho bà Đ 150.000.000 đồng thì đề nghị bị đơn chứng minh chứng từ trả 150.000.000 đồng cho nguyên đơn sau ngày lập sự thỏa thuận còn nợ 289.000.000 đồng tại công chứng.

** Ý kiến trình bày của bị đơn:*

Do quen biết nhau từ trước, nên phía nguyên đơn nhiều lần liên hệ các thủ tục pháp lý để giúp nguyên đơn được định cư ở Úc. Sau khi thống nhất các chi phí để đảm bảo cho nguyên đơn được định cư, bị đơn có yêu cầu phía nguyên đơn phải

đưa toàn bộ chi phí để bị đơn có thể thực hiện công việc theo yêu cầu của phía nguyên đơn.

Đến ngày 22/3/2024, để đảm bảo sự tin tưởng cho các bên phía Bị đơn có viết tờ biên nhận với số tiền 910.000.000 đồng; phía bị đơn Cam kết từ ngày 10/4/2024 đến ngày 26/4/2024 nếu không giúp được phía nguyên đơn thì sẽ hoàn về toàn bộ số tiền cho nguyên đơn. Cùng ngày 22/3/2024, phía nguyên đơn có xác nhận hiện đang còn nợ bà Phạm Thị Đ với số tiền là 150.000.000 đồng nên phía nguyên đơn đề nghị phía bị đơn là đưa bà Phạm Thị Đ vào tờ biên nhận ký ba bên để đảm bảo lòng tin của phía nguyên đơn sẽ chỉ trả cho bà Đ. Trong quá trình thực hiện thủ tục do gặp trục trặc về một số thủ tục nên phía bị đơn không thực hiện việc giúp nguyên đơn định cư theo như mong muốn của phía nguyên đơn. Nên từ tháng 4/2024 đến ngày 30/8/2024, phía bị đơn nhiều lần chuyển khoản theo yêu cầu của nguyên đơn và nhiều lần đưa tiền mặt, chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân của bà Diệp Ngọc L (*thông qua số tài khoản 0939933325 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần P – Chi nhánh C1*) với tổng số tiền là 601.000.000 đồng.

Đến ngày 31/8/2024, hai bên thống nhất số tiền còn nợ là 309.000.000đồng phía nguyên đơn đề nghị sẽ chi trả toàn bộ số tiền này qua cho phía nguyên đơn không cần thanh toán cho bà Đ. Do đó, cùng ngày 31/8/2024, giữa hai bên đã ký văn bản thỏa thuận với số tiền là 309.000.000đồng. Sau khi ký văn bản thỏa thuận phía bị đơn đã chuyển ngay cho phía nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng thông qua số tài khoản của bà Diệp Ngọc L. Tổng số tiền phía bị đơn tính đến hiện nay chỉ còn nợ phía nguyên đơn là 289.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay phía bà Đ thường xuyên điện thoại, liên hệ cho phía Bị đơn để yêu cầu phía Bị đơn chi trả đối với khoản tiền là 150.000.000 đồng đối với tờ biên nhận ký ngày 22/3/2024 được ký giữa ba bên là bị đơn, nguyên đơn và bà Đ. Mặc dù phía bị đơn đã nhiều lần giải thích nhưng phía bà Đ cho rằng các bên tự ý thỏa thuận mà không có sự đồng ý của bà Đ nên yêu cầu phía bị đơn phải chi trả số tiền này như đã thoả thuận.

Phương án 2: Hiện nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ 289.000.000 đồng do đó nếu Bà Đ có yêu cầu độc lập chung trong vụ án thì phía bị đơn đồng ý với số tiền do phía nguyên đơn yêu cầu trả là 289.000.000đồng nếu Tòa buộc bị đơn phải trả tiền 150.000.000 đồng cho bà Đ thì lấy số 289.000.000 đồng – 150.000.000 đồng (bị đơn phải trả cho bà Đ), cấn trừ thì bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 139.000.000 đồng cho nguyên đơn; không đồng ý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn buộc bị đơn trả 439.000.000 đồng tính luôn phần tiền phải trả cho bà Đ theo yêu cầu độc lập của bà.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Thông qua mối quan hệ quen biết, bà Đ biết được phía nguyên đơn đang có ý định muốn bán dây căn nhà trọ do phía nguyên đơn làm chủ. Sau khi thống nhất được các khoản chi phí để thực hiện thủ tục chuyển nhượng, phía Nguyên đơn ngỏ ý muốn bà Đ hỗ trợ một số tiền trước để tất toán về khoản vay tín dụng được mở tại ngân hàng V. Sau khi trừ các khoản đã thanh toán cho phía nguyên đơn thì bên phía nguyên đơn còn thiếu lại bà Đ với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Đến ngày 22/3/2024. Bà Đ được biết phía nguyên đơn có nhờ phía bị đơn làm dịch vụ để thực hiện các thủ tục pháp lý để định cư ở nước ngoài. Do đó, bà Đ có đề nghị phía bị đơn giữ lại số tiền là 150.000.000 đồng trên tổng số tiền 910.000.000 đồng do phía nguyên đơn đưa phía bị đơn nhờ làm dịch vụ.

Cùng ngày 22/3/2024, giữa bà Đ, nguyên đơn, bị đơn cùng ký xác nhận ba bên với nội dung là "*Sau khi phần tiền dịch vụ về, anh T và chị L đồng ý trích trong 910.000.000 đồng chuyển qua cho chị Đ 150.000.000 đồng do hỗ trợ rút bên VIB lấy tài sản nhà trọ Sala*". Tuy nhiên, hiện nay được biết giữa nguyên đơn và bị đơn lại tự ý thỏa thuận với nhau mà không thông báo cho bà Đ biết về khoản tiền 150.000.000đồng nêu trên sẽ do ai chi trả cho bà Đ.

Nay bà Đ nhận thấy quyền lợi hợp pháp của mình bị ảnh hưởng nghiêm trọng và số tiền 150.000.000 đồng có nguy cơ bị mất trắng bởi hành vi gian dối của nguyên đơn, bị đơn, nên bà Đ có yêu cầu độc lập sau: Yêu cầu buộc nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T và bà Diệp Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cần Thơ đã tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về "*tranh chấp Đòi lại tài sản"* đối với bị đơn bà Trịnh Dương Thanh T1.

Buộc bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi 463.979.220 đồng (bao gồm tiền 281.000.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn và 150.000.000 đồng là khoản bị đơn đã được nguyên đơn chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Đ nhưng không thực hiện và tiền lãi 2 khoản trên là 32.979.220 đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ. Khi bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn 431.000.000 đồng thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2025, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

* *Đại diện ủy quyền của bị đơn*: Chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 281.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà Đ số tiền 150.000.000 đồng và cho rằng đây là trách nhiệm của nguyên đơn; bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn bao gồm khoản tiền 150.000.000 đồng của bà Đ. Đề nghị xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm.

* *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn*: Đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn đã nộp và đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên vì vậy không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ Y bản án sơ thẩm.

* *Đại diện ủy quyền của Bà Đ*: Vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập buộc nguyên đơn trả 150.000.000 đồng và không thừa nhận và cho rằng không biết gì về đoạn ghi âm liên quan đến cấn trừ số tiền nguyên đơn cho rằng đã trả được 88.000.000 đồng cho bà Đ. Đề nghị giữ Y bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm*:

Về tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy việc 03 bên thỏa thuận hiện tại đã không còn nên xét từng mối quan hệ với nhau. Đối với nguyên đơn đòi bị đơn số tiền 431.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ ban đầu bị đơn thừa nhận nợ số tiền 910.000.000 đồng. đã trả 479.000.000 đồng số tiền còn lại 431.000.000 đồng phù hợp yêu cầu của nguyên đơn, còn việc bị đơn cho rằng đã trả thêm cho nguyên đơn 142.000.000 đồng nhưng không có biên nhận, nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu xem xét lại số tiền không đồng ý trả số tiền cho bà Đ là không có cơ sở. Bị đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ Y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là " *Tranh chấp đòi lại tài sản*" bị đơn có địa chỉ tại phường N, thành phố Cần Thơ nên Toà án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật. Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[2.1]. Xuất phát từ việc nguyên đơn có nguyện vọng được định cư tại nước Úc, sau khi thống nhất các chi phí để đảm bảo cho phía nguyên đơn được định cư, nên ngày 31/8/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký văn bản thỏa thuận thống nhất sau khi bị đơn thanh toán đủ 910.000.000 đồng, thì số tiền 150.000.000 đồng sẽ được trích ra để thanh toán cho bà Đ. Trên cơ sở thỏa thuận đó, nguyên đơn và bà T1 đã thống nhất rõ ràng: nghĩa vụ thanh toán 459.000.000 đồng còn lại được tách thành hai phần độc lập: Về phần 150.000.000 đồng: bà T1 có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp cho bà Đ theo đúng nội dung thỏa thuận; Và phần 309.000.000 đồng: bà T1 tiếp tục thanh toán trực tiếp cho nguyên đơn.

[2.2]. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đã được chuyển giao thanh toán trực tiếp cho bà Đ đã làm phát sinh lại trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn. tính đến thời điểm hiện tại phía bị đơn đã chi trả các lần chuyển khoản và 20.000.000 đồng tiền mặt tổng cộng là 451.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tiền mặt 20.000.000 đồng trả ngay lúc lập văn bản thỏa thuận còn 289.000.000đồng tại Văn phòng công chứng. Đối với số tiền 150.000.000 đồng của bà Đ thời điểm lập văn bản thỏa thuận còn 289.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng với nhau bị đơn phải trả 150.000.000 đồng cho bà Đ.

[2.3]. Như đại diện Viện kiểm sát nhận định việc 03 bên thỏa thuận hiện tại đã không còn nên xét từng mối quan hệ với nhau. Đối với nguyên đơn đòi bị đơn số tiền 431.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ ban đầu bị đơn thừa nhận nợ số tiền 910.000.000 đồng. đã trả 479.000.000 đồng số tiền còn lại 431.000.000 đồng phù hợp yêu cầu của nguyên đơn, còn việc bị đơn cho rằng đã trả thêm cho nguyên đơn

142.000.000 đồng nhưng không có biên nhận, nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[2.4]. Tại phiên toà phúc thẩm: Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 281.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà Đ số tiền 150.000.000 đồng và cho rằng đây là trách nhiệm của nguyên đơn; bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn bao gồm khoản tiền 150.000.000 đồng của bà Đ nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận; bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng nên, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[2.5]. Do đó xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà T1 phải thanh toán số tiền 431.000.000 đồng ông T và Bà L bao gồm tiền (trong đó 281.000.000 đồng phải trả cho nguyên đơn và 150.000.000 đồng là khoản bị đơn đã được nguyên đơn chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ nhưng không thực hiện) và lãi suất 10%/năm của 281.000.000 tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử và lãi suất 10% của 150.000.000 đồng tính từ ngày khởi kiện 09/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng lãi 02 khoản bị đơn phải trả là 32.979.220 đồng.

[3]. Án sơ thẩm đã phân tích rất cụ thể để xác định trách nhiệm của bị đơn; do đó bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra thêm chứng cứ gì thêm mới nên cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Dương Thanh T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 181/2025/DSST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về "*tranh chấp Đòi lại tài sản"* đối với bị đơn bà Trịnh Dương Thanh T1.

Buộc bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi 463.979.220 đồng (*bốn trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm hai mươi đồng*) (bao gồm tiền 281.000.000 đồng (hai trăm tám mươi mốt triệu đồng) bị đơn trả cho nguyên đơn và 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là khoản bị đơn đã được nguyên đơn chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Đ nhưng không thực hiện và tiền lãi 2 khoản trên là 32.979.220 đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ. Khi bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn 431.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng) thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Diệp Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu đồng) đối với số số tiền phải trả cho bà Đ tổng là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) có cấn trừ nguyên đơn đã đóng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.225.000 đồng (*bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000875 ngày 26 tháng 11 năm 2024 và 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006209 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ). Như vậy, nguyên đơn được nhận lại 3.475.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồn*g).

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 22.509.169 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm lẻ chín nghìn một trăm sáu mươi chín đồng*)

Người liên quan bà Phạm Thị Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.750.000 đồng (*bằng chữ: ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005930 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp theo biên lai thu số

0003701 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2026).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Minh Trang